

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/6/2017

MỤC LỤC

<b>NỘI DUNG</b>	<b>TRANG</b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02 - 03
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	04
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	05 - 06
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	07
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	08
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC	09 - 42

# CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn (gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/6/2017.

### Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng quản trị**

Ông Trần Văn Thạnh	Chủ tịch (từ ngày 27/4/2017)
Ông Nguyễn Văn Sơn	Chủ tịch (trước ngày 27/4/2017)
Ông Mai Ngọc Hoàn	Thành viên
Bà Nguyễn Hồng Vân	Thành viên (từ ngày 27/4/2017)
Ông Đồng Văn Tâm	Thành viên
Ông Nguyễn Quang Tuyền	Thành viên
Bà Ông Thị Thanh Thảo	Thành viên (trước ngày 27/4/2017)

#### **Ban Giám đốc**

Ông Mai Ngọc Hoàn	Tổng Giám đốc
Ông Trần Văn Sáu	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Quang Tuyền	Phó Tổng Giám đốc

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/6/2017, phản ánh một cách trung thực và hợp lý, tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hay không;
- Thiết kế và thực hiện kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận; và
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập và trình bày tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN**

---

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc.



---

**Mai Ngọc Hoàn**  
**Tổng Giám đốc**

*Bình Phước, ngày 14 tháng 8 năm 2017*





Số: 05/2017/SX-AV3-TC

**BÁO CÁO SOÁT XÉT  
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 14/8/2017, từ trang 05 đến trang 42, bao gồm bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30/6/2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

**Kết luận của Kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính tổng hợp của Công ty tại ngày 30/6/2017, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

**Vũ Thị Hương Giang**

**Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:

0388-2015-055-1

**Thay mặt và đại diện**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AN VIỆT**

Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2017





**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
 Cho kỳ kế toán từ 01/01/2017 đến 30/6/2017

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
 Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017

Mẫu số B01a - DN/HN  
 Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/6/2017		01/01/2017	
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>608.662.439.965</b>		<b>479.999.362.140</b>	
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>84.245.381.020</b>		<b>49.780.687.164</b>	
1. Tiền	111	5	17.245.381.020		24.780.687.164	
2. Các khoản tương đương tiền	112		67.000.000.000		25.000.000.000	
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>95.000.000.000</b>		<b>85.000.000.000</b>	
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6.2	95.000.000.000		85.000.000.000	
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>421.404.157.411</b>		<b>337.182.521.936</b>	
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	384.892.871.707		281.546.085.857	
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		1.433.369.745		2.418.020.433	
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	6.1	49.199.189.264		55.220.668.137	
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	30.161.956.574		30.247.583.197	
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(44.283.229.879)		(32.249.835.688)	
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>7.604.394.365</b>		<b>7.432.763.099</b>	
1. Hàng tồn kho	141	11	7.604.394.365		7.432.763.099	
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>408.507.169</b>		<b>603.389.941</b>	
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12.1	336.697.858		603.389.941	
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	18.2	71.809.311		-	
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>887.185.828.774</b>		<b>930.716.316.303</b>	
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>866.741.494.830</b>		<b>906.330.082.345</b>	
1. Tài sản cố định hữu hình	221	15	863.341.494.830		902.930.082.345	
- Nguyên giá	222		1.952.953.640.447		1.952.995.367.720	
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.089.612.145.617)		(1.050.065.285.375)	
2. Tài sản cố định vô hình	227	14	3.400.000.000		3.400.000.000	
- Nguyên giá	228		3.400.000.000		3.400.000.000	
<b>II. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>4.712.661.296</b>		<b>5.819.305.174</b>	
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	13.2	4.712.661.296		5.819.305.174	
<b>III. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>1.841.309.273</b>		<b>1.841.309.273</b>	
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	6.3	1.841.309.273		1.841.309.273	
<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>13.890.363.375</b>		<b>16.725.619.511</b>	
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12.2	3.369.274.102		5.660.909.566	
2. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	13.1	10.521.089.273		11.064.709.945	
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>1.495.848.268.739</b>		<b>1.410.715.678.443</b>	

Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 42 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ



**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2017 đến 30/6/2017

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**  
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017

Mẫu số B01a - DN/HN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/6/2017		01/01/2017	
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>496.378.850.111</b>		<b>335.045.278.622</b>	
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>235.293.711.360</b>		<b>71.362.439.698</b>	
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	17	31.391.395.378		36.008.876.733	
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	18.1	20.849.978.272		11.712.423.811	
3. Phải trả người lao động	314		2.490.009.558		5.127.773.078	
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	19	9.331.101.310		6.671.421.994	
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	20	160.687.360.048		1.685.896.083	
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	21.1	4.465.853.242		4.351.525.881	
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		6.078.013.552		5.804.522.118	
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>261.085.138.751</b>		<b>263.682.838.924</b>	
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	21.2	259.619.412.089		263.023.964.380	
2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	16	1.465.726.662		658.874.544	
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>999.469.418.628</b>		<b>1.075.670.399.821</b>	
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>999.434.823.031</b>		<b>1.075.635.804.224</b>	
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	22	689.986.200.000		459.991.500.000	
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		689.986.200.000		459.991.500.000	
2. Vốn khác của chủ sở hữu	414	22	1.212.070.479		1.212.070.479	
3. Quỹ đầu tư phát triển	418	22	4.237.592.735		209.207.127.652	
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	22	293.317.825.960		394.202.485.529	
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	22	204.421.378.400		248.832.972.750	
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b	22	88.896.447.560		145.369.512.779	
5. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	429		10.681.133.857		11.022.620.564	
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>34.595.597</b>		<b>34.595.597</b>	
1. Nguồn kinh phí	431	23	34.595.597		34.595.597	
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>1.495.848.268.739</b>		<b>1.410.715.678.443</b>	

Bình Phước, ngày 14 tháng 8 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc







Nguyễn Xuân Toàn

Đồng Văn Tâm

Mai Ngọc Hoàn

Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 42 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ



**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
 Cho kỳ kế toán từ 01/01/2017 đến 30/6/2017

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
 Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/6/2017

Mẫu số B02a - DN/HN  
 Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>24</b>	<b>213.834.391.078</b>	<b>136.710.437.028</b>
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)</b>	<b>10</b>		<b>213.834.391.078</b>	<b>136.710.437.028</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	<b>25</b>	83.394.395.300	54.060.406.946
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)</b>	<b>20</b>		<b>130.439.995.778</b>	<b>82.650.030.082</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	<b>26</b>	3.082.475.121	3.157.403.860
7. Chi phí tài chính	22	<b>27</b>	8.091.584.912	6.325.631.959
- Trong đó: chi phí lãi vay	23		8.091.584.912	6.325.631.959
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	<b>28</b>	26.125.190.263	15.193.003.730
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(25+26)}</b>	<b>30</b>		<b>99.305.695.724</b>	<b>64.288.798.253</b>
11. Thu nhập khác	31		-	-
12. Chi phí khác	32		-	30.521.461
<b>13. Lợi nhuận khác (40=31-32)</b>	<b>40</b>		<b>-</b>	<b>(30.521.461)</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)</b>	<b>50</b>		<b>99.305.695.724</b>	<b>64.258.276.792</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	<b>30</b>	10.602.757.299	5.170.286.158
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	<b>31</b>	147.977.573	-
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)</b>	<b>60</b>		<b>88.554.960.852</b>	<b>59.087.990.634</b>
18. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ			88.896.447.560	60.095.358.212
19. Lợi ích của cổ đông thiểu số			(341.486.708)	(1.007.367.578)
<b>20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>		<b>32</b>	<b>1.881</b>	<b>1.306</b>

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Bình Phước, ngày 14 tháng 8 năm 2017

Tổng Giám đốc







Nguyễn Xuân Toàn

Đồng Văn Tâm

Mai Ngọc Hoàn

Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 42 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ



**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
 Cho kỳ kế toán từ 01/01/2017 đến 30/6/2017

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
 (Dạng đầy đủ)

*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/6/2017

Mẫu số B03a - DN/HN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>99.305.695.724</b>	<b>64.258.276.792</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		39.554.315.191	27.213.187.549
- Các khoản dự phòng	03		12.033.394.191	48.508.200
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	<b>26</b>	(144.144.906)	(983.029.770)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	<b>26</b>	(2.938.330.215)	(2.174.374.090)
- Chi phí lãi vay	06	<b>27</b>	8.091.584.912	6.325.631.959
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>155.902.514.897</b>	<b>94.688.200.640</b>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(96.326.838.977)	(40.957.642.397)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		371.989.406	(1.264.840.042)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(856.690.294)	(7.663.277.100)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		2.558.327.547	(1.527.008.847)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(4.001.792.213)	(6.578.623.459)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	<b>18</b>	(6.914.812.530)	(3.556.174.229)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(5.092.236.242)	(9.570.550.158)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>45.640.461.594</b>	<b>23.570.084.408</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(931.525.569)	(3.446.750.165)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(15.000.000.000)	(15.000.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		5.000.000.000	-
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	<b>26</b>	2.938.330.215	2.174.374.090
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(7.993.195.354)</b>	<b>(16.272.376.075)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ đi vay	33		-	6.742.600.000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(3.146.080.024)	(2.019.449.039)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(36.492.360)	(11.875.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(3.182.572.384)</b>	<b>4.711.275.961</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>34.464.693.856</b>	<b>12.008.984.294</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>49.780.687.164</b>	<b>46.501.813.327</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60)</b>	<b>70</b>		<b>84.245.381.020</b>	<b>58.510.797.621</b>

Số thuyết minh được áp dụng cho cột số liệu năm từ 01/01/2017 đến 30/6/2017.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Bình Phước, ngày 14 tháng 8 năm 2017

Tổng Giám đốc







Nguyễn Xuân Toàn

Đồng Văn Tâm

Mai Ngọc Hoàn

Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 42 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ



**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2017 đến 30/6/2017

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC**

MẪU SỐ B09a - DN/HN

(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 42 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**1.1 Hình thức sở hữu vốn:**

Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn, trụ sở đặt tại Ấp Thanh Thủy, Thị trấn Thanh Bình, Huyện Bù Đốp, Tỉnh Bình Phước, là công ty cổ phần được thành lập theo Quyết định số 1331 ngày 17/8/2004 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc chuyển Công ty BOT Cần Đơn thuộc Tổng Công ty Sông Đà thành Công ty Cổ phần. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 11 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 11 số 3801068943 ngày 20/01/2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Phước cấp.

Vốn điều lệ là 459.991.500.000 VND, mệnh giá cổ phần là 10.000 VND. Vốn thực góp là 689.986.200.000 VND.

Ngày 25/7/2017, Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Phước cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ mười hai. Theo đó, vốn điều lệ của Công ty là 689.986.200.000 VND.

**1.2 Lĩnh vực kinh doanh:** Sản xuất, truyền tải và phân phối điện.

**1.3 Ngành nghề kinh doanh:**

- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện (Chi tiết: sản xuất và kinh doanh điện thương phẩm);
- Xây dựng nhà các loại (Chi tiết: xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp);
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ (Chi tiết: xây dựng công trình giao thông; thi công xây lắp các công trình giao thông);
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (Chi tiết: xây dựng công trình thủy lợi và bưu điện, công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị, khu công nghiệp, cấp thoát nước; đầu tư các công trình thủy điện vừa và nhỏ; xây dựng công trình đường dây và trạm biến áp; thi công xây lắp các công trình công nghiệp và bưu điện, thi công xây dựng đường dây và trạm biến áp đến 220 KV);
- Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh (Chi tiết: sản xuất kinh doanh vật tư - xây dựng, máy móc thiết bị);
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày (Chi tiết: dịch vụ khách sạn);
- Đại lý du lịch;
- Giáo dục nghề nghiệp (Chi tiết: dạy nghề; đào tạo cán bộ công nhân viên vận hành nhà máy thủy điện);
- Trồng rừng và chăm sóc rừng;
- Nuôi trồng thủy sản nội địa;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật (Chi tiết: thí nghiệm và hiệu chỉnh thiết bị điện);
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (Chi tiết: mua bán xuất nhập khẩu hàng thủ công mỹ nghệ);
- Sản xuất giống thủy sản;



**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2017 đến 30/6/2017

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (TIẾP THEO) MẪU SỐ B09a - DN/HN**  
(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 42 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

- Khai thác thủy sản nội địa;
- Nuôi trồng thủy sản biển;
- Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép (Chi tiết: mua bán xuất nhập khẩu hàng dệt may);
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu (Chi tiết: thí nghiệm hiệu chỉnh hệ thống điện);
- Khai thác thủy sản biển;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét và cao lanh;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (Chi tiết: mua bán xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị kỹ thuật);
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (Chi tiết: mua bán khoáng sản (không chờ đá thô ra ngoài tỉnh));
- Sửa chữa thiết bị điện;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp (Chi tiết: gia công và xây lắp các thiết bị cơ khí);
- Cất tạo dáng và hoàn thiện đá (Chi tiết: chế biến khoáng sản);
- Khai thác, xử lý và cung cấp nước (Chi tiết: khai thác, lọc và phân phối nước);
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn có liên quan (Chi tiết: giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng và công nghiệp; giám sát công tác thi công và lắp đặt hệ thống điện công trình dân dụng và công nghiệp);
- Đầu tư tài chính vào các công ty con, công ty liên kết, nhận ủy thác đầu tư của các tổ chức cá nhân; tiếp nhận, vận tải vật tư thiết bị.

**1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:** 12 tháng.

**1.5 Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ:** không có yếu tố ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty.

**1.6 Cấu trúc doanh nghiệp:**

<u>Đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>HĐKD chính</u>
<b>A Các đơn vị trực thuộc hạch toán riêng (xác định KQKD riêng với Công ty)</b>		
1 Chi nhánh Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn - Nhà máy Thủy điện Ry Ninh II	Thôn Ia Ping, xã Ialy, huyện Sản xuất, truyền tải Chư Păh, Tỉnh Gia Lai	và phân phối điện
2 Chi nhánh Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn - Nhà máy Thủy điện Nà Lơi	Xã Thanh Minh, Thành phố Điện Biên Phủ, Tỉnh Điện Biên	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện
<b>B Công ty con</b>		
1 Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Đà Tây Nguyên	Làng Kon Sơ Lãng, xã Hà Tây, Huyện Chư Păh, Tỉnh Gia Lai	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện



**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2017 đến 30/6/2017

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (TIẾP THEO) MẪU SỐ B09a - DN/HN**  
(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 42 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

**Công ty con được hợp nhất:**

	Tên	Tỷ lệ sở hữu, Tỷ lệ lợi ích, Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	
		30/6/2017	01/01/2017
1	Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Đà Tây Nguyên	81,25	81,25

**1.7 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ:** có thể so sánh được thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

**2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

Kỳ kế toán năm bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/6/2017 là một kỳ kế toán của kỳ kế toán năm tài chính 2017.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND).

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), được lập dựa trên các nguyên tắc kế toán phù hợp với quy định tại Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này:

**4.1 Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty mẹ và báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự.

**4.2 Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại thời điểm báo cáo cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (TIẾP THEO) MẪU SỐ B09a - DN/HN**  
(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 42 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

**4.3 Chuyển đổi ngoại tệ**

Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ được thực hiện theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 - Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái và Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24/10/2012 của Bộ Tài chính.

Trong kỳ, các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang VND theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày phát sinh. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại được phản ánh vào chênh lệch tỷ giá hối đoái và số dư được kết chuyển sang doanh thu tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (22.770 VND/USD).

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính giữa niên độ, Công ty chưa đánh giá lại khoản nợ phải trả có gốc ngoại tệ của Công ty hữu hạn Thiết bị phát điện Linh Lăng Hàng Viễn Hồ Nam Trung Quốc với số tiền gốc ngoại tệ là 376.219,62 USD, tương đương 8.027.028.813 VND do tính chưa chắc chắn về số phải trả này. Nếu thực hiện đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày kết thúc kỳ kế toán thì số lỗ do chênh lệch tỷ giá đánh giá lại là 539.491.934 VND. Theo Biên bản làm việc số 17/BB/NVTH ngày 10/10/2016 về những vấn đề còn tồn tại của công suất các tổ máy Nhà máy thủy điện Hà Tây giữa Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Đà Tây Nguyên, Viện Khoa học năng lượng và Công ty hữu hạn Thiết bị phát điện Linh Lăng Hàng Viễn Hồ Nam Trung Quốc, Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Đà Tây Nguyên đã yêu cầu hai đơn vị tư vấn thiết kế và cung cấp thiết bị phải tính toán lại các tổn thất thực tế so sánh với thiết kế ban đầu, yêu cầu đơn vị cung cấp thiết bị kiểm tra lại việc thay đổi thiết kế và phải có văn bản trả lời chính thức. Đồng thời, Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Đà Tây Nguyên cũng có gửi thông báo số 65/CV-CT-VNTH ngày 21/10/2016 cho Công ty hữu hạn thiết bị phát điện Linh Lăng Hàng Viễn Hồ Nam Trung Quốc, đề nghị thực hiện các công việc còn lại để thanh quyết toán hợp đồng, gồm các nội dung: xác nhận chi phí phải trả cho Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Đà Tây Nguyên (công ty con), cung cấp chuyển giao công nghệ và các vật tư dự phòng còn thiếu. Công ty xác định nghĩa vụ công nợ phải trả với Công ty hữu hạn thiết bị phát điện Linh Lăng Hàng Viễn Hồ Nam Trung Quốc có thể thay đổi do các vấn đề nêu trên vẫn chưa được giải quyết, do đó, Công ty chưa đánh giá lại khoản nợ phải trả có gốc ngoại tệ này.

**4.4 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán, bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo, được ghi nhận phù hợp với quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 24 - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

**4.5 Các khoản đầu tư tài chính**

**4.5.1 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Phản ánh các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn có kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng (ngắn hạn) kể từ thời điểm báo cáo, là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.



# CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2017 đến 30/6/2017

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (TIẾP THEO) MẪU SỐ B09a - DN/HN (Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 42 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi.

Lãi tiền gửi phát sinh được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính.

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại kể từ thời điểm báo cáo của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn.

### 4.5.2 Các khoản cho vay

Phản ánh các khoản cho vay bằng khế ước, hợp đồng, thỏa thuận vay giữa hai bên có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng (ngắn hạn) và trên 12 tháng (dài hạn) tại thời điểm báo cáo. Các khoản cho vay được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Lãi cho vay được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính khi phát sinh.

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại kể từ thời điểm báo cáo của các khoản cho vay để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn.

Dự phòng đối với các khoản cho vay có bản chất tương tự các khoản phải thu khó có khả năng thu hồi được trích lập tương tự phải thu khó đòi theo thuyết minh số 4.6.

### 4.5.3 Các khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác

#### *Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác:*

Là các khoản đầu tư vào công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên nhận đầu tư. Các khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc là khoản vốn đã góp.

Báo cáo tài chính của đơn vị đầu tư khác dùng để xác định phần sở hữu của Công ty là báo cáo tài chính riêng của bên nhận đầu tư đã được soát xét.

### 4.6 Các khoản phải thu và dự phòng phải thu khó đòi

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán;
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, bao gồm: các khoản tạm ứng; phải thu về lãi cho vay; và các khoản phải thu khác.

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản phải thu để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn.

Các khoản dự phòng phải thu khó đòi được trích lập dựa trên khả năng thu hồi trong tương lai căn cứ vào đánh giá của Ban Giám đốc. Ban Giám đốc Công ty cho rằng việc trích lập dự phòng là phù



**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2017 đến 30/6/2017

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (TIẾP THEO) MẪU SỐ B09a - DN/HN**  
(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 42 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

hợp với tình hình thực tế của Công ty, tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - Doanh thu và thu nhập khác.

**4.7 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định theo giá gốc, trường hợp giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì hàng tồn kho được xác định theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

**4.8 Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được xác định theo giá gốc.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hình thành từ mua sắm và xây dựng chuyển giao là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, số khấu hao được tính bằng nguyên giá chia (:) cho thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với các quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Thời gian tính khấu hao cụ thể của các loại tài sản như sau:

	<b>Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017 (số năm)</b>
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 50
Máy móc, thiết bị	03 - 40
Phương tiện vận tải	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08

Riêng đối với tài sản cố định là Nhà máy Thủy điện Cần Đơn được thực hiện khấu hao theo sản lượng điện sản xuất trong kỳ trên tổng sản lượng thiết kế vận hành tính trong thời gian hoạt động của nhà máy là 25 năm kể từ khi nhà máy đi vào hoạt động.

Trong kỳ, Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Đà Tây Nguyên (công ty con) có thay đổi thời gian trích khấu hao tài sản cố định theo Quyết định số 04 SĐTN/QĐ-HĐQT ngày 27/02/2017 của Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Đà Tây Nguyên do tuổi thọ kỹ thuật các hạng mục tài sản của nhà máy trên thực tế cao hơn so với khung thời gian tính khấu hao tối đa theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Đà Tây Nguyên đã nhận được văn bản số 291 STC-TCDN ngày 21/02/2017 của Sở Tài chính tỉnh Gia Lai về việc thay đổi thời gian khấu hao của Công ty, theo đó việc thay đổi không làm ảnh



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (TIẾP THEO) MẪU SỐ B09a - DN/HN**  
(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 42 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

hưởng đến kế hoạch trả nợ Ngân hàng cũng như không làm thay đổi kết quả kinh doanh từ lỗ thành lãi. Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Đà Tây Nguyên cũng đã gửi Công văn số 06 CT/TCKT ngày 27/02/2017 về việc thay đổi thời gian khấu hao tài sản cố định gửi Cục Thuế tỉnh Gia Lai. Theo đó, giá trị khấu hao của các tài sản cố định có thay đổi thời gian khấu hao trong kỳ là 3.088.201.104 VND, giảm 2.236.670.658 VND so với giá trị khấu hao tính theo thời gian khấu hao cũ.

Đối với các tài sản cố định hữu hình được đầu tư từ quỹ phúc lợi, nguyên giá tài sản cố định hữu hình được hạch toán một lần giảm quỹ phúc lợi, đồng thời ghi tăng quỹ phúc lợi đã hình thành tài sản cố định. Hao mòn tài sản cố định hữu hình được ghi giảm quỹ phúc lợi đã hình thành tài sản cố định.

#### **4.9 Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình được xác định theo giá gốc.

Tài sản cố định vô hình là Quyền sử dụng đất lâu dài tại lô đất số 165 Trường Chinh, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Công ty sử dụng để xây dựng trụ sở làm việc của Chi nhánh Nhà máy Thủy điện Ry Ninh II. Quyền sử dụng đất lâu dài không tính khấu hao.

#### **4.10 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc, phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Việc khấu hao các tài sản này được áp dụng giống như đối với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

#### **4.11 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước được ghi nhận theo thực tế phát sinh, bao gồm: chi phí sửa chữa tài sản cố định, chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng, chi phí mua bảo hiểm và chi phí khác.

- Chi phí sửa chữa tài sản cố định và chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tối đa 3 năm kể từ khi phát sinh.
- Chi phí mua bảo hiểm và chi phí khác được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 12 tháng trở xuống kể từ khi phát sinh.

Công ty căn cứ vào thời gian trả trước theo hợp đồng hoặc thời gian phân bổ của từng loại chi phí để phân loại chi phí trả trước ngắn hạn hoặc dài hạn và không thực hiện tái phân loại tại thời điểm báo cáo.

#### **4.12 Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc:



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (TIẾP THEO) MẪU SỐ B09a - DN/HN**

(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 42 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán;
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ, bao gồm: phải trả về các khoản bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp; cổ tức phải trả; các khoản phải trả khác...

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản nợ phải trả để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

**4.13 Vay và nợ thuê tài chính**

Vay và nợ thuê tài chính là các khoản đi vay, được theo dõi chi tiết theo đối tượng, theo kỳ hạn phải trả và theo nguyên tệ. Các khoản có thời gian trả nợ còn lại trên 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo được trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm báo cáo được trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn. Các khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ được đánh giá lại theo nguyên tắc như trình bày tại thuyết minh số 4.3.

**4.14 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay là lãi tiền vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh.

**4.15 Chi phí phải trả**

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, bao gồm: lãi tiền vay; chi phí phải trả liên quan đến công trình Nhà máy thủy điện Hà Tây, chi phí vận hành đường dây 110KV, chi phí ăn ca và các khoản chi phí phải trả khác, cụ thể:

- Chi phí liên quan đến công trình Nhà máy thủy điện Hà Tây là khoản chi phí đầu tư của các hạng mục công trình Nhà máy thủy điện Hà Tây chưa có hóa đơn và hồ sơ, được ước tính dựa trên tổng mức đầu tư, các hợp đồng xây lắp đã ký và tiến độ của hợp đồng đến thời điểm trích;
- Chi phí lãi vay được ước tính dựa trên số tiền vay, thời hạn và lãi suất thực tế từng kỳ theo từng khế ước vay;
- Chi phí vận hành đường dây 110KV là khoản chi phí phải trả đã thực tế phát sinh nhưng chưa nghiệm thu, xuất hóa đơn;
- Chi phí ăn ca là tiền ăn ca phải trả CBCNV được ước tính dựa trên số công làm việc thực tế trong tháng.

**4.16 Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ phản ánh vốn góp cổ đông trong và ngoài doanh nghiệp, được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông góp cổ phần, tính theo mệnh giá cổ phiếu đã phát hành. Trong kỳ, Công ty đã phát hành cổ phiếu để tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu theo văn bản số 4242/UBCK-QLCB ngày 21/6/2017 của Ủy ban Chứng khoán Nhà



**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2017 đến 30/6/2017

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (TIẾP THEO) MẪU SỐ B09a - DN/HN**  
(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 42 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

nước từ khoản mục Quỹ đầu tư phát triển (209.207.127.652 VND) và Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (20.787.572.348 VND). Vốn thực góp tại 30/6/2017 là 689.986.200.000 VND.

Các quỹ và lợi nhuận sau thuế được trích lập và phân phối theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông ngày 27/4/2017.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát là một phần lợi nhuận và giá trị tài sản thuần của một công ty con được xác định tương ứng cho các phần lợi ích không phải do công ty mẹ sở hữu một cách trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua các công ty con. Lợi ích cổ đông không kiểm soát được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ thành một chỉ tiêu riêng thuộc phần vốn chủ sở hữu. Phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát cũng được trình bày thành chỉ tiêu riêng biệt trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

#### **4.17 Doanh thu và thu nhập khác**

**Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:**

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm, hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

**Doanh thu bán điện thương phẩm:** được ghi nhận căn cứ vào hồ sơ xác nhận sản lượng điện năng phát vào lưới điện quốc gia và đơn giá quy định tại các hợp đồng kinh tế ký kết với Tổng Công ty Sông Đà, Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc và Tổng Công ty Điện lực Miền Trung.

**Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:**

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

**Doanh thu hoạt động tài chính** là lãi tiền gửi được xác định tương đối chắc chắn trên cơ sở số dư tiền gửi, cho vay và lãi suất thực tế từng kỳ và lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm báo cáo.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (TIẾP THEO) MẪU SỐ B09a - DN/HN**  
(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 42 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

**4.18 Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán được ghi nhận theo thực tế phát sinh phù hợp với doanh thu, là trị giá vốn của sản lượng điện bán trong kỳ.

**4.19 Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính là lãi tiền vay được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên cơ sở số dư tiền vay và lãi suất vay thực tế từng kỳ.

**4.20 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của Công ty phát sinh trong kỳ kế toán, bao gồm: chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động; khấu hao tài sản cố định dùng cho quản lý doanh nghiệp; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại...); chi phí bằng tiền khác.

**4.21 Thuế**

Chi phí thuế thu nhập hiện hành phản ánh số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp phát sinh trong kỳ.

Thu nhập tính thuế có thể khác với tổng lợi nhuận kế toán trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập tính thuế không bao gồm các khoản thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ trong các năm khác và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

***Công ty đang được hưởng ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp đối với các dự án đầu tư như sau:***

- Đối với dự án đầu tư nhà máy Thủy điện Cần Đơn: Áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 10% trong thời gian 15 năm (từ năm 2004 -2018), được miễn 4 năm (từ năm 2004-2007) và giảm 50% thuế TNDN phải nộp trong 9 năm tiếp theo kể từ khi dự án có thu nhập chịu thuế (từ năm 2008-2016).
- Đối với dự án đầu tư nhà máy Thủy điện Ry Ninh II: Áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 10% trong thời gian 15 năm (từ năm 2002 - 2016), được miễn 4 năm (từ năm 2002 - 2005) và giảm 50% thuế TNDN phải nộp trong 9 năm tiếp theo từ khi dự án có thu nhập chịu thuế (từ năm 2006 - 2014).
- Đối với dự án đầu tư Nhà máy Thủy điện Nà Lơi: Áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 10% trong thời gian 15 năm (từ năm 2004 - 2018), được miễn 3 năm (từ năm 2004 - 2006) và giảm 50% thuế TNDN phải nộp trong 9 năm tiếp theo từ khi dự án có thu nhập chịu thuế (từ năm 2007 - 2015).

Các ưu đãi này được quy định tại Khoản 1, Điều 15 và Khoản 1, Điều 16 Nghị định số 124/2008/NĐ-CP ngày 11/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều luật



**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2017 đến 30/6/2017

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (TIẾP THEO) MẪU SỐ B09a - DN/HN**  
(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 42 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

thuế thu nhập doanh nghiệp và Công văn số 11996/BTC-CST ngày 05/09/2012 của Bộ Tài chính.

- Đối với dự án đầu tư nhà máy thủy điện Hà Tây: áp dụng thuế suất ưu đãi 10% trong thời hạn 15 năm đối với thu nhập từ thực hiện dự án đầu tư mới và miễn thuế 04 năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 năm tiếp theo kể từ khi có thu nhập chịu thuế do thành lập mới từ dự án đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ. Năm 2015 là năm đầu tiên dự án đầu tư đi vào hoạt động và có thu nhập từ dự án đầu tư mới nên phần thu nhập từ dự án đầu tư mới mang lại được áp dụng thuế suất thuế TNDN 10% trong 15 năm từ năm 2015 đến năm 2029.

**Tiền thuê đất**

- Được miễn tiền thuê đất đối với diện tích xây dựng công trình nhà máy thủy điện Cần Đơn theo quy định tại Giấy Chứng nhận đầu tư số 04/GĐĐC-ĐTTN ngày 28/5/2001 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.
- Được miễn tiền thuê đất 15 năm (từ ngày 01/7/2004 đến ngày 30/6/2019) đối với diện tích xây dựng công trình nhà máy thủy điện Nà Lơi theo Quyết định số 2911/QĐ-CT ngày 24/12/2013 của Cục thuế Tỉnh Điện Biên.

Việc xác định các loại thuế của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định nghĩa vụ về các loại thuế tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

**4.22 Nguyên tắc và phương pháp lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

**Loại trừ các giao dịch nội bộ**

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ giữa các công ty, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được. Các giao dịch mua bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ được giả định là đã thực hiện hết trong kỳ.

**Ghi nhận lợi ích của cổ đông không kiểm soát**

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty và được trình bày ở chỉ tiêu riêng trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (TIẾP THEO) MẪU SỐ B09a - DN/HN**  
(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 42 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

**4.23 Công cụ tài chính**

*Ghi nhận ban đầu*

Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính hợp nhất, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty xác định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, phải thu về cho vay ngắn hạn, phải thu khách hàng và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính, nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính hợp nhất, thành nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định phân loại các nợ phải trả tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, nợ phải trả tài chính được xác định theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán, phải trả khác, vay và nợ thuê tài chính.

*Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính được phản ánh theo giá trị hợp lý. Trường hợp chưa có quy định về việc xác định lại giá trị hợp lý của các công cụ tài chính thì trình bày theo giá trị ghi sổ.

*Bù trừ các công cụ tài chính*

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán, nếu và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

**4.24 Bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan với Công ty nếu có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động hoặc có chung các thành viên quản lý chủ chốt hoặc cùng chịu sự chi phối của một công ty khác (cùng thuộc Tập đoàn, Công ty).



**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
 Cho kỳ kế toán từ 01/01/2017 đến 30/6/2017

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (TIẾP THEO) MẪU SỐ B09a - DN/HN**  
 (Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 42 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

Tổng Công ty Sông Đà góp 50,96% vốn điều lệ và có khả năng kiểm soát đối với Công ty trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Theo đó, Tổng Công ty Sông Đà và được coi là bên liên quan (công ty mẹ) của Công ty. Các công ty con của Tổng Công ty Sông Đà và được coi là bên liên quan (công ty liên kết của Công ty).

Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty: những người lãnh đạo, các nhân viên quản lý của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.

Các cá nhân trong Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này được coi là bên liên quan của Công ty.

Thông tin với bên liên quan được trình bày tại thuyết minh số 6, 8, 10, 17, 21, 22, 24, 34.

**5. TIỀN**

	<u>30/6/2017</u> VND	<u>01/01/2017</u> VND
Tiền mặt	1.182.324.148	1.138.627.314
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	16.063.056.872	23.642.059.850
<b>Cộng</b>	<b><u>17.245.381.020</u></b>	<b><u>24.780.687.164</u></b>

**6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

<b>6.1 Phải thu về cho vay</b>	<u>30/6/2017</u> VND	<u>01/01/2017</u> VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>49.199.189.264</b>	<b>55.220.668.137</b>
Công ty CP Xi măng Hạ Long	29.199.189.264	29.199.189.264
Công ty CP Điện Việt Lào	20.000.000.000	20.000.000.000
Công ty CP Thủy điện Trà Xom	-	6.021.478.873
<b>Phải thu về cho vay bên liên quan</b>		
Công ty CP Điện Việt Lào	20.000.000.000	20.000.000.000



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 42 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

MẪU SỐ B09a - DN/HN

**6.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	30/6/2017		01/01/2017	
	VND		VND	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
<b>Ngắn hạn</b>	<b>95.000.000.000</b>	<b>95.000.000.000</b>	<b>85.000.000.000</b>	<b>85.000.000.000</b>
Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng Công thương - Chi nhánh Bình Phước	95.000.000.000	95.000.000.000	85.000.000.000	85.000.000.000

**6.3 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	30/6/2017			01/01/2017		
	VND			VND		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào đơn vị khác	1.841.309.273	-	1.841.309.273	1.841.309.273	-	1.841.309.273

Thông tin chi tiết về các khoản đầu tư vào đơn vị khác của Công ty tại ngày 30/6/2017 như sau:

	Giá gốc (VND)	Dự phòng (VND)	Giá trị hợp lý (VND)
<b>Các khoản đầu tư khác</b>			
Công ty CP Thủy điện Ry Ninh II ĐăkPsi (*)	1.841.309.273	-	1.841.309.273

(\*) Công ty CP Thủy điện Ry Ninh II ĐăkPsi đang trong giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản, chưa đi vào hoạt động. Công ty theo dõi khoản đầu tư này theo giá gốc, không trích lập dự phòng.



**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
 Cho kỳ kế toán từ 01/01/2017 đến 30/6/2017

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (TIẾP THEO) MẪU SỐ B09a - DN/HN**  
 (Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 42 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

**7. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG**

	30/6/2017 VND	01/01/2017 VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>384.892.871.707</b>	<b>281.546.085.857</b>
Tổng Công ty Sông Đà	371.994.388.326	264.931.601.399
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	8.479.719.524	10.821.890.938
Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc	4.127.493.357	4.266.468.780
Các khoản phải thu của khách hàng khác	291.270.500	1.526.124.740
<b>Phải thu của khách hàng là các bên liên quan</b>		
Tổng Công ty Sông Đà	371.994.388.326	264.931.601.399

**8. PHẢI THU KHÁC**

	30/6/2017 VND		01/01/2017 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>Ngắn hạn</b>	<b>30.161.956.574</b>	<b>15.392.364.749</b>	<b>30.247.583.197</b>	<b>15.392.364.749</b>
Tạm ứng	720.016.571	-	725.639.425	-
Lãi tiền cho vay Công ty CP Xi măng Hạ Long	14.198.597.661	9.563.874.266	14.198.597.661	9.563.874.266
Lãi tiền cho vay Công ty CP Điện Việt Lào	7.115.833.333	4.623.194.444	7.115.833.333	4.623.194.444
Lãi tiền cho vay Công ty CP Thủy điện Trà Xom	1.745.290.454	1.205.296.039	1.745.290.454	1.205.296.039
Phải thu khác	6.382.218.555	-	6.462.222.324	-
<b>Phải thu bên liên quan</b>				
Lãi tiền cho vay Công ty CP Điện Việt Lào	7.115.833.333	4.623.194.444	7.115.833.333	4.623.194.444

**9. DỰ PHÒNG PHẢI THU KHÓ ĐÒI**

	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017 VND
<b>Ngắn hạn</b>	
Số dư 01/01	<b>(32.249.835.688)</b>
Trích lập dự phòng	(13.839.837.853)
Hoàn nhập dự phòng	1.806.443.662
Các khoản dự phòng đã sử dụng	-
<b>Số dư 30/6</b>	<b>(44.283.229.879)</b>
<i>Trong đó:</i>	
- Phải thu của khách hàng	(291.270.500)
- Phải thu về cho vay	(28.599.594.632)
- Phải thu khác	(15.392.364.747)



**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CÀN ĐƠN BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
 Cho kỳ kế toán từ 01/01/2017 đến 30/6/2017

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (TIẾP THEO) MẪU SỐ B09a - DN/HN**  
 (Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 42 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

**10. NỢ XẤU**

	30/6/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<b>Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi</b>	<b>72.550.181.211</b>	<b>28.266.951.332</b>	<b>78.571.660.084</b>	<b>46.321.824.396</b>
<i>Các khoản phải thu về cho vay</i>	<i>49.199.189.264</i>	<i>20.599.594.632</i>	<i>55.220.668.137</i>	<i>38.654.467.696</i>
Công ty CP Xi măng Hạ Long				
<i>Giá trị các khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm tới dưới 2 năm</i>	<i>29.199.189.264</i>	<i>14.599.594.632</i>	<i>29.199.189.264</i>	<i>20.439.432.485</i>
Công ty CP điện Việt Lào				
<i>Giá trị các khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm tới dưới 3 năm</i>	<i>20.000.000.000</i>	<i>6.000.000.000</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
<i>Giá trị các khoản nợ phải thu quá hạn dưới 2 năm</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>20.000.000.000</i>	<i>14.000.000.000</i>
Công ty CP Thủy điện Trà Xom				
<i>Giá trị các khoản phải thu dưới 03 năm</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>6.021.478.873</i>	<i>4.215.035.211</i>
<i>Các khoản phải thu về lãi cho vay</i>	<i>23.059.721.447</i>	<i>7.667.356.700</i>	<i>23.059.721.447</i>	<i>7.667.356.700</i>
Công ty CP Xi măng Hạ Long				
<i>Giá trị các khoản phải thu từ 03 năm trở lên</i>	<i>9.005.191.642</i>	<i>297.745.931</i>	<i>9.005.191.642</i>	<i>297.745.931</i>
<i>Giá trị các khoản phải thu dưới 03 năm</i>	<i>5.193.406.019</i>	<i>4.336.977.464</i>	<i>5.193.406.019</i>	<i>4.336.977.464</i>
Công ty CP điện Việt Lào				
<i>Giá trị các khoản phải thu từ 03 năm trở lên</i>	<i>4.531.666.667</i>	<i>202.555.556</i>	<i>4.531.666.667</i>	<i>202.555.556</i>
<i>Giá trị các khoản phải thu dưới 03 năm</i>	<i>2.584.166.667</i>	<i>2.290.083.334</i>	<i>2.584.166.667</i>	<i>2.290.083.334</i>
Công ty CP Thủy điện Trà Xom				
<i>Giá trị các khoản phải thu từ 03 năm trở lên</i>	<i>1.263.781.818</i>	<i>58.485.781</i>	<i>1.263.781.818</i>	<i>58.485.781</i>
<i>Giá trị các khoản phải thu dưới 03 năm</i>	<i>481.508.634</i>	<i>481.508.634</i>	<i>481.508.634</i>	<i>481.508.634</i>
<i>Các đối tượng khác</i>	<i>291.270.500</i>	<i>-</i>	<i>291.270.500</i>	<i>-</i>



**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
 Cho kỳ kế toán từ 01/01/2017 đến 30/6/2017

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (TIẾP THEO) MẪU SỐ B09a - DN/HN**  
 (Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 42 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

**11. HÀNG TỒN KHO**

Hàng tồn kho	30/6/2017		01/01/2017	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	7.550.409.365	-	7.401.493.099	-
Công cụ, dụng cụ	53.985.000	-	31.270.000	-
<b>Cộng</b>	<b>7.604.394.365</b>	<b>-</b>	<b>7.432.763.099</b>	<b>-</b>

**12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	30/6/2017	01/01/2017
	VND	VND
<b>12.1 Ngắn hạn</b>	<b>336.697.858</b>	<b>603.389.941</b>
Chi phí bảo hiểm chờ phân bổ	109.856.600	169.177.571
Chi phí ngắn hạn khác	226.841.258	434.212.370
<b>12.2 Dài hạn</b>	<b>3.369.274.102</b>	<b>5.660.909.566</b>
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	3.362.130.159	5.655.727.746
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	7.143.943	5.181.820

**13. TÀI SẢN DỞ DANG DÀI HẠN**

13.1 Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	30/6/2017		01/01/2017	
	VND		VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	10.521.089.273	10.521.089.273	11.064.709.945	11.064.709.945
<b>Cộng</b>	<b>10.521.089.273</b>	<b>10.521.089.273</b>	<b>11.064.709.945</b>	<b>11.064.709.945</b>

**13.2 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016
	VND	VND
Tại ngày 01 tháng 01	5.819.305.174	719.760.027
Tăng trong kỳ	262.544.505	1.229.108.242
Xây dựng cơ bản	262.544.505	1.229.108.242
Giảm trong kỳ	1.369.188.383	19.483.931
Kết chuyển giảm khác (*)	1.369.188.383	19.483.931
<b>Tại ngày 30 tháng 6 (**)</b>	<b>4.712.661.296</b>	<b>1.929.384.338</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
 Cho kỳ kế toán từ 01/01/2017 đến 30/6/2017

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (TIẾP THEO) MẪU SỐ B09a - DN/HN**  
 (Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 42 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

(\*) Điều chỉnh khoản chi phí xây dựng cơ bản dở dang do trích vượt quá so với giá trị thực tế đã xác nhận quyết toán với nhà cung cấp.

(\*\*) Bao gồm:

	<u>30/6/2017</u> <b>VND</b>	<u>01/01/2017</u> <b>VND</b>
Công trình nhà máy thủy điện Hà Tây	4.712.661.296	5.819.305.174
<b>Cộng</b>	<b><u>4.712.661.296</u></b>	<b><u>5.819.305.174</u></b>

**14. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

Đơn vị tính: VND

	<u>Nguyên giá</u>	<u>Giá trị hao mòn</u>	<u>Giá trị còn lại</u>
Tại 01/01/2017	3.400.000.000	-	3.400.000.000
Tại 30/6/2017	<b><u>3.400.000.000</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>3.400.000.000</u></b>

Tài sản cố định vô hình của Công ty là quyền sử dụng đất tại lô đất số 165 Trường Chinh, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai và không tính khấu hao.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09a - DN/HN

(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 42 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

## 15. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Đơn vị tính: VND Cộng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Tại 01/01/2017	1.084.016.990.854	724.997.417.990	142.400.548.923	1.580.409.953	1.952.995.367.720
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-	41.727.273	41.727.273
Giảm khác	-	-	-	41.727.273	41.727.273
Tại 30/6/2017	1.084.016.990.854	724.997.417.990	142.400.548.923	1.538.682.680	1.952.953.640.447
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Tại 01/01/2017	550.268.495.568	491.928.208.792	7.010.712.936	857.868.079	1.050.065.285.375
Tăng trong kỳ	21.557.240.166	17.448.641.720	474.619.830	108.085.799	39.588.587.515
Khấu hao	21.557.240.166	17.448.641.720	474.619.830	108.085.799	39.588.587.515
Giảm trong kỳ	-	-	-	41.727.273	41.727.273
Giảm khác	-	-	-	41.727.273	41.727.273
Tại 30/6/2017	571.825.735.734	509.376.850.512	7.485.332.766	924.226.605	1.089.612.145.617
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại 01/01/2017	533.748.495.286	233.069.209.198	135.389.835.987	722.541.874	902.930.082.345
Tại 30/6/2017	512.191.255.120	215.620.567.478	134.915.216.157	614.456.075	863.341.494.830

Nhà máy thủy điện Hà Tây đã hoàn thành và vận hành thương mại trong tháng 7 năm 2015 (hiện tại dự án đang trong giai đoạn quyết toán giá trị công trình). Nguyên giá của công trình trên được phản ánh theo giá tạm tính theo Quyết định tạm tăng tài sản cố định Nhà máy Thủy điện Hà Tây số 49a/QĐ-CT-TCKT ngày 09/7/2015 là 258.765.935.011 VND. Như trình bày tại thuyết minh số 4.8, từ ngày 01/01/2017, Công ty thay đổi thời gian trích khấu hao tài sản cố định hữu hình của nhà máy thủy điện Hà Tây. Ban Giám đốc Công ty cho rằng việc áp dụng thời gian khấu hao mới sẽ phản ánh chính xác hơn hiệu suất sử dụng tài sản cố định thuộc nhà máy thủy điện Hà Tây của Công ty.

Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng tại 30/6/2017 là 57.498.550.869 VND (tại 01/01/2017 là 56.959.439.638 VND). Công ty đã thế chấp tài sản cố định với giá trị còn lại tại ngày 30/6/2017 là 764.656.391.237 VND để đảm bảo cho các khoản vay.

Nguyên giá tài sản cố định dùng cho hoạt động phúc lợi là 1.370.892.995 VND, khấu hao của tài sản này trong kỳ là 34.272.324 VND.



**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2017 đến 30/6/2017

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (TIẾP THEO) MẪU SỐ B09a - DN/HN**  
(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 42 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

**16. THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI**

	30/6/2017 VND	01/01/2017 VND
<b>Thuế thu nhập hoãn lại phải trả</b>	<b>1.465.726.662</b>	<b>658.874.544</b>
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế (Thuế thu nhập hoãn lại phải trả từ việc loại trừ dự phòng tổn thất đầu tư tài chính)	1.465.726.662	658.874.544

**17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	30/6/2017 VND	01/01/2017 VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>31.391.395.378</b>	<b>36.008.876.733</b>
Công ty Cổ phần Sông Đà 2	13.675.131.258	13.675.131.258
Công ty hữu hạn Thiết bị phát điện Linh Lăng Hằng Viễn Hồ Nam Trung Quốc	8.027.028.813	8.027.028.813
Phải trả cho các đối tượng khác	9.689.235.307	14.306.716.662
<b>Phải trả người bán là các bên liên quan</b>		
Công ty Cổ phần Sông Đà 2	13.675.131.258	13.675.131.258
Công ty Cổ phần Sông Đà 4	2.123.747.767	2.123.747.767
Công ty Cổ phần Cơ khí - Lắp máy Sông Đà	1.849.638.510	1.849.638.510

**18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	01/01/2017 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã thực nộp trong kỳ VND	30/6/2017 VND
Thuế giá trị gia tăng đầu ra	3.707.114.233	20.527.177.211	17.773.080.465	6.461.210.979
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.810.847.149	10.602.757.299	6.914.812.530	6.498.791.918
Thuế thu nhập cá nhân (*)	1.035.327.491	299.850.724	1.354.793.421	(19.615.206)
Thuế tài nguyên	2.033.530.558	16.642.075.715	13.698.104.933	4.977.501.340
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	62.843.911	62.843.911	-
Các loại thuế khác	-	8.000.000	8.000.000	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	2.125.604.380	4.105.998.236	3.371.322.686	2.860.279.930
<b>Cộng</b>	<b>11.712.423.811</b>	<b>52.248.703.096</b>	<b>43.182.957.946</b>	<b>20.778.168.961</b>
<i>Trong đó:</i>				
18.1 Phải nộp	11.712.423.811			20.849.978.272
18.2 Phải thu	-			71.809.311

(\*) Tại 30/6/2017, số thuế thu nhập cá nhân nộp thừa tại văn phòng là 71.809.311 VND, số thuế thu nhập cá nhân phải nộp tại các chi nhánh và công ty con là 52.194.105 VND.



**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
 Cho kỳ kế toán từ 01/01/2017 đến 30/6/2017

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (TIẾP THEO) MẪU SỐ B09a - DN/HN**  
 (Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 42 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

**19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	30/6/2017 VND	01/01/2017 VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>9.331.101.310</b>	<b>6.671.421.994</b>
Chi phí công trình Nhà máy thủy điện Hà Tây (*)	4.694.870.820	6.064.059.203
Chi phí lãi vay phải trả	4.325.957.199	236.164.500
Chi phí vận hành đường dây 110KV	274.910.865	274.910.865
Chi phí ăn ca	22.665.000	20.190.000
Phí kiểm toán	-	50.000.000
Chi phí phải trả khác	12.697.426	26.097.426

(\*) Công ty con đã ghi nhận số còn phải trả theo các hợp đồng xây lắp đã ký và tiến độ hợp đồng đến thời điểm đưa nhà máy vào vận hành và tiến hành trích trước chi phí xây dựng của công trình Nhà máy thủy điện Hà Tây theo Quyết định số 49a/QĐ-CT-TCKT ngày 09/7/2017 của Giám đốc Công ty về việc tạm tăng, Tài sản cố định Nhà máy thủy điện Hà Tây. Số liệu trích trước này sẽ được các nhà thầu xuất hóa đơn tài chính cho Công ty con sau khi quyết toán công trình được duyệt.

**20. PHẢI TRẢ KHÁC**

	30/6/2017 VND	01/01/2017 VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>160.687.360.048</b>	<b>1.685.896.083</b>
Kinh phí công đoàn, Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	858.585.328	429.061.365
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	159.506.355.120	845.779.980
Các khoản phải trả, phải nộp khác	322.419.600	411.054.738

**21. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH**

	30/6/2017 VND	01/01/2017 VND
<b>21.1 Ngắn hạn</b>	<b>4.465.853.242</b>	<b>4.351.525.881</b>
Các khoản vay	4.465.853.242	4.351.525.881
<b>21.2 Dài hạn</b>	<b>259.619.412.089</b>	<b>263.023.964.380</b>
Các khoản vay	259.619.412.089	263.023.964.380
<b>Vay và nợ thuê tài chính bên liên quan</b>		
Tổng Công ty Sông Đà	108.642.265.331	109.932.490.261



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 42 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

MẪU SỐ B09a - DN/HN

a) Các khoản vay

	01/01/2017 VND		Trong kỳ VND		30/6/2017 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>4.351.525.881</b>	<b>4.351.525.881</b>	<b>3.262.998.391</b>	<b>3.148.671.030</b>	<b>4.465.853.242</b>	<b>4.465.853.242</b>
Tổng Công ty Sông Đà	2.351.525.881	2.351.525.881	1.262.998.391	1.148.671.030	2.465.853.242	2.465.853.242
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Đông Gia Lai	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000
<b>Vay dài hạn</b>	<b>263.023.964.380</b>	<b>263.023.964.380</b>	-	<b>3.404.552.291</b>	<b>259.619.412.089</b>	<b>259.619.412.089</b>
Tổng Công ty Sông Đà [1]	107.580.964.380	107.580.964.380	-	1.404.552.291	106.176.412.089	106.176.412.089
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Đông Gia Lai [2]	155.443.000.000	155.443.000.000	-	2.000.000.000	153.443.000.000	153.443.000.000

[1] Khoản vay Tổng Công ty Sông Đà theo Hợp đồng tín dụng vay lại vốn ADB số 02/2011/HĐTD-ADB-TSCĐ-CĐ ngày 30/11/2011:

Hạn mức tín dụng	: 5.000.000,00 USD.
Mục đích vay	: Vay vốn từ khoản vay ADB nguồn vốn OCR để trả một phần nợ gốc khoản vay dài hạn Dự án Thủy điện Cần Đơn tại Ngân hàng Công thương Hà Tây và Ngân hàng Công thương Bình Phước.
Thời hạn vay	: 25 năm bao gồm 5 năm ân hạn.
Thời hạn trả nợ	: Trả nợ gốc, lãi và phí cho vay lại định kỳ vào ngày 05/5 và 05/11 hàng năm theo thông báo đòi nợ của bên cho vay, ADB và Sở Giao dịch 1 Ngân hàng Phát triển Việt Nam.
Lãi suất cho vay	: Gồm lãi suất Libor và chênh lệch tại từng thời điểm do ADB thông báo (hiện là 0,2%/năm), khoản cho vay lại phải trả cho Tổng Công ty Sông Đà là 1%/năm trên số dư nợ gốc của khoản vay OCR.
Lãi phạt	: Bằng 150% lãi suất cho vay theo quy định tại hợp đồng.
Lãi vay	: Được tính từ ngày Bộ Tài chính ghi nợ cho Tập đoàn Sông Đà (Tổng Công ty Sông Đà) hoặc Sở Giao dịch 1 Ngân hàng Phát triển Việt Nam ghi nợ cho Tập đoàn Sông Đà (Tổng Công ty Sông Đà). Tiền lãi được tính trên số dư nợ vay nhân với lãi suất tháng chia 30 nhân số ngày thực tế.
Kỳ trả gốc và lãi	: Trả nợ gốc, lãi và phí cho vay lại định kỳ vào ngày 05/5 và 05/11 hàng năm theo thông báo đòi nợ của bên cho vay, ADB và Sở Giao dịch 1 Ngân hàng Phát triển Việt Nam.
Các loại phí	: Trả cho tập đoàn Sông Đà là 1% trên số dư nợ gốc của khoản vay OCR.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (TIẾP THEO)****MẪU SỐ B09a - DN/HN***(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 42 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)*

	Các loại phí khác do ADB thu (nếu có) theo thông báo của ADB.
	Phí cam kết: 0,15%/năm tính trên số dư chưa rút vốn tại từng thời điểm theo quy định.
	Lãi, phí cam kết và các loại phí khác (nếu có) theo quy định của ADB được gốc hóa trong thời gian rút vốn của Dự án trong quá trình thực hiện bên cho vay sẽ thông báo đến bên vay.
Tài sản đảm bảo	: Tài sản hình thành từ vốn vay.
Gốc vay phải trả tại 30/6/2017	: 4.771.289,65 USD tương đương 108.642.265.331 VND.
Gốc vay phải trả trong vòng 01 năm	: 108.293,95 USD tương đương 2.465.853.242 VND.

**[2]Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Đông Gia Lai (Phụ lục sửa đổi, bổ sung Hợp đồng tín dụng số 05/79/PLHĐTD ngày 01/11/2016 thay đổi bên cho vay từ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Gia Lai sang Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Đông Gia Lai) theo Hợp đồng tín dụng số 79/HĐTD ngày 29/12/2012 và các phụ lục sửa đổi bổ sung từ số 01 đến số 06:**

Hạn mức tín dụng	: 158.943.000.000 VND.
Mục đích vay	: Thanh toán các chi phí thực hiện đầu tư xây dựng dự án Nhà máy Thủy điện Hà Tây.
Thời hạn vay	: 13 năm (156 tháng) kể từ ngày rút vốn vay đầu tiên, bao gồm cả 02 năm ân hạn chưa trả nợ gốc trong thời gian thi công xây dựng công trình.
Thời hạn trả nợ	: 11 năm (132 tháng), kể từ ngày hết thời hạn ân hạn (02 năm), bao gồm 22 kỳ theo Phụ lục sửa đổi bổ sung hợp đồng tín dụng số 04/79/HĐTD. Ngày trả nợ cuối cùng tạm tính 22/8/2026.
Lãi suất trong hạn	: Áp dụng lãi suất cho vay có điều chỉnh được tính bằng lãi suất cao nhất loại tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau bằng đồng Việt Nam của Agribank Chi nhánh Đông Gia Lai tại thời điểm điều chỉnh cộng với 2.2%/năm, áp dụng cho các kỳ điều chỉnh từ ngày 26/11/2016 đến ngày 25/12/2017. Định kỳ điều chỉnh hàng quý vào ngày 26 của tháng cuối quý.
Lãi suất quá hạn	: 150% lãi suất trong hạn tại thời điểm áp dụng.
Kỳ trả lãi	: Được trả theo các kỳ vào ngày 26 của tháng 6, tháng 9 và tháng 12 hàng năm.
Tài sản đảm bảo	: Toàn bộ giá trị tài sản hình thành trong tương lai bao gồm vốn vay, vốn tự có và nguồn vốn huy động khác (nếu có) để đầu tư xây dựng Nhà máy Thủy điện Hà Tây (là toàn bộ giá trị tài sản gắn liền với đất, máy móc thiết bị và quyền sở hữu khai thác công trình dự án).
Gốc vay phải trả tại 30/6/2017	: 155.443.000.000 VND.
Gốc vay phải trả trong vòng 01 năm	: 2.000.000.000 VND.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09a - DN/HN

(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 42 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

## b) Kỳ hạn thanh toán các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	Tổng nợ	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm
<b>Tại 30/6/2017</b>				
Các khoản vay	264.085.265.331	4.465.853.242	75.181.283.784	184.438.128.305
<i>Tổng Công ty Sông Đà</i>	<i>108.642.265.331</i>	<i>2.465.853.242</i>	<i>16.681.283.784</i>	<i>89.495.128.305</i>
<i>Vay ngân hàng</i>	<i>155.443.000.000</i>	<i>2.000.000.000</i>	<i>58.500.000.000</i>	<i>94.943.000.000</i>
<b>Cộng</b>	<b><u>264.085.265.331</u></b>	<b><u>4.465.853.242</u></b>	<b><u>75.181.283.784</u></b>	<b><u>184.438.128.305</u></b>
<b>Tại 01/01/2017</b>				
Các khoản vay	267.375.490.261	4.351.525.881	68.406.782.520	194.617.181.860
<i>Tổng Công ty Sông Đà</i>	<i>109.932.490.261</i>	<i>2.351.525.881</i>	<i>15.906.782.520</i>	<i>91.674.181.860</i>
<i>Vay ngân hàng</i>	<i>157.443.000.000</i>	<i>2.000.000.000</i>	<i>52.500.000.000</i>	<i>102.943.000.000</i>
<b>Cộng</b>	<b><u>267.375.490.261</u></b>	<b><u>4.351.525.881</u></b>	<b><u>68.406.782.520</u></b>	<b><u>194.617.181.860</u></b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CÀN ĐƠN BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2017 đến 30/6/2017

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (TIẾP THEO) MẪU SỐ B09a - DN/HN**  
(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 42 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

**22. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

Đơn vị tính: VND

Diễn giải	Vốn góp của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	LNST chưa phân phối
<b>Tại ngày 01/01/2017</b>	<b>459.991.500.000</b>	<b>1.212.070.479</b>	<b>209.207.127.652</b>	<b>394.202.485.529</b>
Tăng trong kỳ	229.994.700.000	-	4.237.592.735	88.896.447.560
Giảm trong kỳ	-	-	209.207.127.652	189.781.107.129
<b>Tại ngày 30/6/2017</b>	<b>689.986.200.000</b>	<b>1.212.070.479</b>	<b>4.237.592.735</b>	<b>293.317.825.960</b>

CHI TIẾT VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

Đơn vị tính: VND

	30/6/2017		01/01/2017	
	Tổng số	Vốn cổ phần thường	Tổng số	Vốn cổ phần thường
Tổng Công ty Sông Đà	351.610.560.000	351.610.560.000	234.407.040.000	234.407.040.000
Vốn góp của các cổ đông khác	338.375.640.000	338.375.640.000	225.584.460.000	225.584.460.000
<b>Cộng</b>	<b>689.986.200.000</b>	<b>689.986.200.000</b>	<b>459.991.500.000</b>	<b>459.991.500.000</b>

GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ CHIA CỔ TỨC, PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

<b>a. Vốn góp của chủ sở hữu</b>	<b>Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017 VND</b>	<b>Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016 VND</b>
<b>Tại ngày 01/01</b>	<b>459.991.500.000</b>	<b>459.991.500.000</b>
Tăng trong kỳ theo văn bản số 4242/UBCK-QLCB ngày 21/6/2017 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước	229.994.700.000	-
Giảm trong kỳ	-	-
<b>Tại ngày 30/6</b>	<b>689.986.200.000</b>	<b>459.991.500.000</b>
<b>b. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</b>	<b>Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017 VND</b>	<b>Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016 VND</b>
<b>Tại ngày 01/01</b>	<b>394.202.485.529</b>	<b>385.974.719.399</b>
Tăng trong kỳ	88.896.447.560	60.095.358.212
Lợi nhuận trong kỳ	88.896.447.560	60.095.358.212
Giảm trong kỳ	189.781.107.129	22.143.871.649
Cổ tức phải trả cho chủ sở hữu	158.697.067.500	-
Trích quỹ đầu tư phát triển	4.237.592.735	8.183.914.157
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	5.400.000.000	13.959.957.492
Tăng vốn điều lệ	20.787.572.348	-
Điều chỉnh hợp nhất	658.874.546	-
<b>Tại ngày 30/6</b>	<b>293.317.825.960</b>	<b>423.926.205.962</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2017 đến 30/6/2017

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (TIẾP THEO) MẪU SỐ B09a - DN/HN**  
(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 42 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

<b>c. Cổ phiếu</b>	<b>30/6/2017</b>	<b>01/01/2017</b>
	<b>Cổ phiếu</b>	<b>Cổ phiếu</b>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	68.998.620	45.999.150
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	68.998.620	45.999.150
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>68.998.620</i>	<i>45.999.150</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	68.998.620	45.999.150
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>68.998.620</i>	<i>45.999.150</i>
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/cổ phiếu)	10.000	10.000
<b>23. NGUỒN KINH PHÍ</b>		
	<b>Từ 01/01/2017</b>	<b>Từ 01/01/2016</b>
	<b>đến 30/6/2017</b>	<b>đến 30/6/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Nguồn kinh phí còn lại đầu kỳ	34.595.597	34.595.597
Nguồn kinh phí được cấp trong kỳ	-	-
Chi sự nghiệp	-	-
<b>Nguồn kinh phí còn lại cuối kỳ</b>	<b>34.595.597</b>	<b>34.595.597</b>
<b>24. DOANH THU</b>		
	<b>Từ 01/01/2017</b>	<b>Từ 01/01/2016</b>
	<b>đến 30/6/2017</b>	<b>đến 30/6/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>213.834.391.078</b>	<b>136.710.437.028</b>
Doanh thu hoạt động sản xuất điện	213.827.762.507	136.534.834.472
Thuê truyền tải	-	162.650.175
Doanh thu kinh doanh nước sinh hoạt	6.628.571	12.952.381
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>213.834.391.078</b>	<b>136.710.437.028</b>
<b>Doanh thu đối với các bên liên quan</b>		
Tổng Công ty Sông Đà	165.682.476.340	83.513.793.218
<b>25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN</b>		
	<b>Từ 01/01/2017</b>	<b>Từ 01/01/2016</b>
	<b>đến 30/6/2017</b>	<b>đến 30/6/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Giá vốn bán điện	83.394.395.300	53.984.826.692
Thuê truyền tải	-	75.580.254
<b>Cộng</b>	<b>83.394.395.300</b>	<b>54.060.406.946</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CÀN ĐƠN BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
 Cho kỳ kế toán từ 01/01/2017 đến 30/6/2017

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (TIẾP THEO) MẪU SỐ B09a - DN/HN**  
 (Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 42 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

**26. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	<b>Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017 VND</b>	<b>Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016 VND</b>
Lãi tiền gửi	2.938.330.215	2.174.374.090
Lãi chênh lệch tỷ giá	144.144.906	983.029.770
<b>Cộng</b>	<b>3.082.475.121</b>	<b>3.157.403.860</b>

**27. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<b>Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017 VND</b>	<b>Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016 VND</b>
Lãi tiền vay	8.091.584.912	6.325.631.959
<b>Cộng</b>	<b>8.091.584.912</b>	<b>6.325.631.959</b>

**28. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	<b>Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017 VND</b>	<b>Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016 VND</b>
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>26.125.190.263</b>	<b>15.193.003.730</b>
Chi phí nhân viên	7.382.897.529	6.434.167.260
Chi phí khấu hao	650.937.375	660.257.203
Chi phí khác	6.057.961.168	8.050.071.067
Trích lập dự phòng phải thu khó đòi	12.033.394.191	48.508.200

**29. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	<b>Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017 VND</b>	<b>Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016 VND</b>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	9.466.481.056	7.848.523.723
Chi phí nhân công	18.041.359.500	12.864.638.838
Chi phí khấu hao tài sản cố định	39.554.315.191	27.213.187.549
Chi phí dự phòng	30.424.035.625	23.151.067.862
Chi phí khác	12.033.394.191	48.508.200
<b>Cộng</b>	<b>109.519.585.563</b>	<b>71.125.926.172</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
 Cho kỳ kế toán từ 01/01/2017 đến 30/6/2017

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (TIẾP THEO) MẪU SỐ B09a - DN/HN**  
 (Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 42 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

**30. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP HIỆN HÀNH**

	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của công ty mẹ	10.602.757.299	5.170.286.158
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của công ty con	-	-
	<u>10.602.757.299</u>	<u>5.170.286.158</u>

**31. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI**

	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính khi hợp nhất	147.977.573	-
<b>Cộng</b>	<u>147.977.573</u>	<u>-</u>

**32. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU**

<u>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</u>	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016 VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	88.896.447.560	60.095.358.212
<b>Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (1)</b>	<b>88.896.447.560</b>	<b>60.095.358.212</b>
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ (2)	47.269.839	45.999.150
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (3)=(1)/(2)</b>	<b>1.881</b>	<b>1.306</b>

**33. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Mã số 34 - Tiền trả nợ gốc vay không bao gồm lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại với số tiền 144.144.906 VND.

Mã số 36 - Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu không bao gồm khoản cổ tức phải trả được phân phối từ lợi nhuận theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông ngày 27/4/2017.

Mã số 02 - Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT không bao gồm khấu hao tài sản thuộc quỹ phúc lợi với số tiền 34.272.324 VND.



**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2017 đến 30/6/2017

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (TIẾP THEO) MẪU SỐ B09a - DN/HN**  
(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 42 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

Mã số 21 - Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác bao gồm cả các khoản phải trả người bán ngắn hạn chưa thanh toán trong các kỳ trước nhưng đã thanh toán trong kỳ này là 812.010.755 VND. Không bao gồm các khoản phải trả người bán chưa thanh toán trong kỳ là 143.029.691 VND.

Mã số 14 - Tiền lãi vay đã trả bao gồm khoản lãi vay phải trả kỳ trước nhưng thanh toán trong kỳ này là 236.164.500 VND và không bao gồm khoản lãi vay phải trả kỳ này nhưng chưa thanh toán là 4.325.957.199 VND.

**34. THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Giao dịch với các bên liên quan	Mối quan hệ	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017 VND	
<b>Tổng công ty Sông Đà</b>	<b>Công ty mẹ</b>		
Doanh thu bán điện			165.682.476.340
Thuế GTGT			16.568.247.634
Thu tiền			58.000.000.000
Bù trừ công nợ, vay và lãi vay			17.187.937.047
<b>Thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc</b>		<b>Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017 VND</b>	<b>Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016 VND</b>
Thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc		1.344.109.562	1.171.677.455
<b>Cộng</b>		<b>1.344.109.562</b>	<b>1.171.677.455</b>

**35. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Ngày 25/7/2017, Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Phước cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ mười hai. Theo đó, vốn điều lệ của Công ty là 689.986.200.000 VND.

Ban Giám đốc khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, ngoài sự kiện nêu trên, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/6/2017 làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/6/2017.

**36. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Các loại công cụ tài chính

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, nợ phải trả tài chính và công cụ vốn được trình bày tại thuyết minh số 4.23.



**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
 Cho kỳ kế toán từ 01/01/2017 đến 30/6/2017

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (TIẾP THEO) MẪU SỐ B09a - DN/HN**  
 (Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 42 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

	Giá trị ghi sổ 30/06/2017 VND	Giá trị ghi sổ 01/01/2017 VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	17.245.381.020	24.780.687.164
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	95.000.000.000	85.000.000.000
Phải thu của khách hàng	384.601.601.207	281.254.815.357
Phải thu về cho vay	20.599.594.632	38.021.859.728
Phải thu khác	7.816.121.193	6.059.738.427
<b>Cộng</b>	<b>525.262.698.052</b>	<b>435.117.100.676</b>
<b>Nợ tài chính</b>		
Phải trả người bán	31.391.395.378	36.008.876.733
Chi phí phải trả	9.308.436.310	6.651.231.994
Phải trả khác	159.629.369.775	967.881.385
Vay và nợ thuê tài chính	264.085.265.331	267.375.490.261
<b>Cộng</b>	<b>464.414.466.794</b>	<b>311.003.480.373</b>

Công ty trình bày và thuyết minh về công cụ tài chính theo quy định của Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính. Thông tư này hướng dẫn áp dụng chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn cụ thể cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính theo giá trị hợp lý. Công ty đã trình bày giá trị hợp lý của công cụ tài chính theo hướng dẫn về thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính tại một số thuyết minh ở phần trên.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Các hoạt động của Công ty phải chịu rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tiền tệ và rủi ro lãi suất), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đặt mục tiêu và các nguyên tắc cơ bản về quản lý rủi ro tài chính cho Công ty. Ban Giám đốc lập các chính sách chi tiết như nhận diện và đo lường rủi ro, hạn mức rủi ro và các chiến lược phòng ngừa rủi ro. Việc quản lý rủi ro tài chính được nhân sự thuộc bộ phận tài chính thực hiện.

Các nhân sự thuộc bộ phận tài chính đo lường mức độ rủi ro thực tế so với hạn mức được đề ra và lập báo cáo thường xuyên để Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc xem xét. Thông tin trình bày sau đây là dựa trên thông tin mà Ban Giám đốc nhận được.

**• Rủi ro thị trường**

- *Rủi ro tiền tệ*

Việc kinh doanh của Công ty phải chịu rủi ro từ đồng Đô la Mỹ (USD) do Công ty có khoản vay và nợ thuê tài chính và phải trả người bán bằng USD nhưng chưa thanh toán. Rủi ro tiền tệ của Công ty đối với USD như sau:



**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
 Cho kỳ kế toán từ 01/01/2017 đến 30/6/2017

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (TIẾP THEO) MẪU SỐ B09a - DN/HN**  
 (Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 42 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

	30/6/2017 VND	01/01/2017 VND
<b>Tài sản tài chính</b>	-	-
<b>Nợ tài chính</b>	<b>116.669.294.144</b>	<b>117.959.519.074</b>
Phải trả người bán	8.027.028.813	8.027.028.813
Vay và nợ thuê tài chính	108.642.265.331	109.932.490.261
<b>(Nợ)/tài sản tài chính thuần</b>	<b>(116.669.294.144)</b>	<b>(117.959.519.074)</b>
Cộng: cam kết mua ngoại tệ		
Trừ: mua bán ngoại tệ kỳ hạn		
<b>Mức độ rủi ro tiền tệ</b>	<b>(116.669.294.144)</b>	<b>(117.959.519.074)</b>

*- Rủi ro lãi suất*

Tại ngày 30/6/2017, lãi suất của các khoản vay dài hạn được quy định cụ thể trong hợp đồng, do đó, Công ty không chịu rủi ro lãi suất.

**• Rủi ro tín dụng**

Chính sách của Công ty là chỉ giao dịch với các khách hàng có quá trình tín dụng tốt và thu được đủ tài sản đảm bảo phù hợp nhằm giảm rủi ro tín dụng. Đối với các tài sản tài chính khác, chính sách của Công ty là giao dịch với các tổ chức tài chính và các đối tác khác có xếp hạng tín nhiệm cao.

Mức rủi ro tín dụng tối đa đối với mỗi nhóm tài sản tài chính bằng với giá trị ghi sổ của nhóm công cụ tài chính đó trên bảng cân đối kế toán. Các nhóm tài sản tài chính lớn của Công ty là tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, phải thu của khách hàng, phải thu về cho vay và phải thu khác.

*- Các tài sản tài chính không quá hạn cũng không bị giảm giá*

Tiền gửi ngân hàng không quá hạn cũng không bị giảm giá là các khoản tiền gửi chủ yếu tại các ngân hàng có xếp hạng tín nhiệm cao theo xác định của các cơ quan xếp hạng tín nhiệm quốc tế. Phải thu khách hàng không bị giảm giá chủ yếu là từ các đối tượng có quá trình thanh toán tốt cho Công ty.

*- Tài sản tài chính quá hạn hoặc giảm giá*

	30/6/2017 VND	01/01/2017 VND
<b>Tài sản tài chính quá hạn</b>		
Quá hạn từ 03 năm trở lên	15.091.910.627	15.091.910.627
Quá hạn dưới 03 năm	57.458.270.584	63.479.749.457
<b>Cộng</b>	<b>72.550.181.211</b>	<b>78.571.660.084</b>

**• Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ gắn liền với các khoản nợ tài chính được thanh toán bằng cách giao tiền mặt hoặc một tài sản tài chính khác.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CÀN ĐƠN BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
 Cho kỳ kế toán từ 01/01/2017 đến 30/6/2017

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (TIẾP THEO) MẪU SỐ B09a - DN/HN**  
 (Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 42 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

Bảng dưới đây phân tích các khoản nợ tài chính phi phái sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các dòng tiền theo hợp đồng không chiết khấu.

	<b>Đến 1 năm VND</b>	<b>Trên 1 năm VND</b>
<b>30/6/2017</b>		
Phải trả người bán	31.391.395.378	-
Chi phí phải trả	9.308.436.310	-
Phải trả khác	159.629.369.775	-
Vay và nợ thuê tài chính	4.465.853.242	259.619.412.089
<b>Cộng</b>	<b><u>204.795.054.705</u></b>	<b><u>259.619.412.089</u></b>
<b>01/01/2017</b>		
Phải trả người bán	36.008.876.733	-
Chi phí phải trả	6.651.231.994	-
Phải trả khác	967.881.385	-
Vay và nợ thuê tài chính	4.351.525.881	263.023.964.380
<b>Cộng</b>	<b><u>47.979.515.993</u></b>	<b><u>263.023.964.380</u></b>

**• Đo lường theo giá trị hợp lý**

Giá gốc trừ dự phòng (nếu có) đối phải thu khách hàng, phải thu khác, phải thu về cho vay ngắn hạn, phải trả người bán, phải trả khác, vay và nợ thuê tài chính là gần bằng với giá trị hợp lý của chúng.

**37. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Căn cứ vào thực tế hoạt động tại Công ty, Ban Giám đốc Công ty đánh giá rằng việc ra các quyết định quan trọng của Công ty phụ thuộc chủ yếu vào khu vực địa lý mà Công ty đang kinh doanh. Do đó, Công ty trình bày báo cáo bộ phận chính yếu theo khu vực địa lý.

**BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ**

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại 30/6/2017**

	<b>Bình Phước</b>	<b>Gia Lai</b>	<b>Điện Biên</b>	Đơn vị tính: VND <b>Cộng</b>
<b>Tài sản</b>				
Tài sản bộ phận	1.114.464.721.369	327.677.234.686	53.706.312.684	1.495.848.268.739
Tài sản không phân bổ				-
<b>Cộng</b>				<b><u>1.495.848.268.739</u></b>
<b>Nợ phải trả</b>				
Nợ phải trả bộ phận	293.860.686.491	199.853.172.734	2.664.990.886	496.378.850.111
Nợ phải trả không phân bổ				-
<b>Cộng</b>				<b><u>496.378.850.111</u></b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
 Cho kỳ kế toán từ 01/01/2017 đến 30/6/2017

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (TIẾP THEO) MẪU SỐ B09a - DN/HN**  
 (Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 42 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ 01/01/2017 đến 30/6/2017**

	Bình Phước	Gia Lai	Điện Biên	Đơn vị tính: VND Cộng
<b>Doanh thu</b>				
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	165.682.476.340	26.841.232.574	21.310.682.164	213.834.391.078
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>165.682.476.340</b>	<b>26.841.232.574</b>	<b>21.310.682.164</b>	<b>213.834.391.078</b>
Giá vốn hàng bán	61.167.643.429	13.626.605.610	8.600.146.261	83.394.395.300
Chi phí không phân bổ	19.428.194.119	4.671.276.165	2.025.719.979	26.125.190.263
Doanh thu hoạt động tài chính	3.075.423.589	4.307.618	2.743.914	3.082.475.121
Chi phí tài chính	1.041.857.023	7.049.727.889	-	8.091.584.912
Lãi (lỗ) khác	-	-	-	-
Lợi nhuận trước thuế	87.120.205.358	1.497.930.528	10.687.559.838	99.305.695.724
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	9.017.865.904	663.838.593	1.069.030.375	10.750.734.872
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>				<b>88.554.960.852</b>

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại 01/01/2017**

	Bình Phước	Gia Lai	Điện Biên	Đơn vị tính: VND Cộng
<b>Tài sản</b>				
Tài sản bộ phận	1.016.413.290.286	336.832.696.078	57.469.692.079	1.410.715.678.443
Tài sản không phân bổ				
<b>Cộng</b>				<b>1.410.715.678.443</b>
<b>Nợ phải trả</b>				
Nợ phải trả bộ phận	127.393.072.040	205.120.139.124	2.532.067.458	335.045.278.622
Nợ phải trả không phân bổ				-
<b>Cộng</b>				<b>335.045.278.622</b>

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ 01/01/2016 đến 30/6/2016**

	Bình Phước	Gia Lai	Điện Biên	Đơn vị tính: VND Cộng
<b>Doanh thu</b>				
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	83.513.793.218	21.611.975.714	31.584.668.096	136.710.437.028
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>83.513.793.218</b>	<b>21.611.975.714</b>	<b>31.584.668.096</b>	<b>136.710.437.028</b>
Giá vốn hàng bán	32.459.777.504	11.419.013.640	10.181.615.802	54.060.406.946
Chi phí không phân bổ	8.905.090.154	3.872.952.378	2.414.961.198	15.193.003.730
Doanh thu hoạt động tài chính	3.123.316.650	27.394.158	6.693.052	3.157.403.860
Chi phí tài chính	601.307.461	5.724.324.498	-	6.325.631.959
Lãi (lỗ) khác	-	(30.521.461)	-	(30.521.461)
Lợi nhuận trước thuế	44.670.934.749	592.557.895	18.994.784.148	64.258.276.792
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	2.658.404.541	603.026.905	1.908.854.712	5.170.286.158
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>				<b>59.087.990.634</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2017 đến 30/6/2017

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (TIẾP THEO) MẪU SỐ B09a - DN/HN**  
(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 42 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

**38. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 đã được kiểm toán và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến 30/6/2016 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC và được trình bày lại cho phù hợp với số liệu của kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/6/2017.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Bình Phước, ngày 14 tháng 8 năm 2017

Tổng Giám đốc

Nguyễn Xuân Toàn

Đồng Văn Tâm



Mai Ngọc Hoàn

